

AN NINH KHU VỰC ĐÔNG Á: NHÌN LẠI LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

NGUYỄN QUỐC HÙNG*

Đông Á là dải đất chạy dài từ bắc xuống nam nằm ở rìa phía Đông lục địa châu Á với hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Có thể nói, nếu như chỉ kể ít nhất từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Đông Á hầu như chỉ là một khu vực - đối tượng cho những cuộc xâm lược thôn tính của các cường quốc thực dân châu Âu và Bắc Mỹ, thì từ nửa sau thế kỷ XX và nhất là sau chiến tranh lạnh, Đông Á đã trở thành một khu vực địa - chính trị quan trọng với vị thế quốc tế ngày càng nổi bật trên trường quốc tế, góp phần to lớn đối với chiều hướng phát triển của thế giới ngày nay.

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Trật tự hai cực Yalta được xác lập, thực chất là sự phân chia quyền lực và khu vực ảnh hưởng giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô. Tuy được gọi là trật tự thế giới, nhưng xét về không gian địa lý với những thoả thuận của các cường quốc thì trật tự thế giới mới này chỉ có quan hệ trực tiếp với hai lục địa châu Âu và châu Á, và châu Á

lại nhằm chủ yếu vào các nước thuộc khu vực Đông Á (với những thoả thuận về Nhật Bản, Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên, Đông Nam Á...). Như thế, Đông Á phải chịu những tác động rất lớn của Trật tự hai cực Yalta, trở thành nhân tố hàng đầu tạo nên cục diện an ninh ở Đông Á từ sau thế chiến thứ hai.

Trước hết, đặc điểm lớn hầu như bao trùm cả khu vực Đông Á là sự đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mỹ - Xô và hai phe Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa. Sự đối đầu căng thẳng kéo dài hầu như cả nửa sau thế kỷ XX và bao hệ lụy của nó.

Hai là, ngay sau khi cuộc Thế chiến thứ hai kết thúc, một cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở hầu hết các nước Đông Nam Á. Ngay trong năm 1945, nhiều dân tộc Đông Nam Á đã giành lại được độc lập tự do, và các dân tộc khác vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng. Như thế, ý chí độc lập, tinh thần dân tộc của nhân dân các nước Đông Nam Á được

* PGS. Nguyễn Quốc Hùng, Đại học Quốc gia Hà Nội

đề cao hơn bao giờ hết. Họ đã vượt qua, không chấp nhận những thoả thuận quy định của Hội nghị Yalta về Đông Nam Á.

Nhưng tình hình Đông Nam Á vẫn tiếp tục căng thẳng do chính sách ngoan cố của các nước thực dân phương Tây không cam chịu từ bỏ mưu đồ lập lại các chế độ thuộc địa, tiếp tục các cuộc chiến tranh tái chiếm như ở Indônêxia, Đông Dương, Philippin và Mã Lai. Các nước thực dân đã thất bại. Tới giữa những năm 1950 các nước Đông Nam Á đã giành lại được độc lập. Nhưng cũng chính vào thời điểm này, nhất là trong bối cảnh đối đầu giữa hai phe với đỉnh cao là chiến tranh lạnh và tùy theo lực lượng so sánh trong mỗi nước, ở Đông Nam Á đã diễn ra sự phân hoá lớn về con đường phát triển, nhất là về chính sách đối ngoại của các nước. Đã hình thành ba nhóm nước: một là, đi theo con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản, ngả theo các nước phương Tây; hai là, liên minh với Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa; ba là, chủ trương chính sách hoà bình trung lập, đứng giữa hai phe. Trong khi đó, ở Đông Bắc Á, trận tuyến hai phe lại phân định rõ rệt, không chỉ giữa hai nước Trung Quốc và Nhật Bản mà còn ngay trong một quốc gia như bán đảo Triều Tiên.

Ba là, Đông Á đã trở thành một chiến trường của "chiến tranh lạnh" nhưng lại là nơi diễn ra liên tục các cuộc "chiến tranh nóng" thật khốc liệt. Đó lại là các cuộc chiến tranh cục bộ mang tính đối đầu giữa hai phe: cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953 ở Đông Bắc Á; cuộc chiến tranh Đông Dương 1946 - 1954 nhất là từ sau 1950, và cuộc chiến tranh xâm lược Việt

Nam của Mỹ 1954 - 1975 ở Đông Nam Á và đây là "cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất đối lập giữa hai phe"⁽¹⁾.

Các cuộc chiến tranh này đã làm cho Đông Nam Á luôn trong tình hình căng thẳng trong nhiều thập niên, mang lại những tổn thất nặng nề về sinh mạng và của cải vật chất, lôi cuốn các nước Đông Nam Á vào cuộc đối đầu giữa hai phe, giữa các nước lớn mà một "di chứng" còn lại cho tới ngày nay là sự nghi kỵ, thiếu tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong khu vực.

Tình hình an ninh trong nhiều nước Đông Nam Á còn bị đe dọa, có lúc tới mức nghiêm trọng, là liên quan đến các phong trào ly khai, các cuộc nổi dậy chống đối ở trong nước. Đó là phong trào Hồi giáo Moro ở Philippin đã kéo dài từ thế kỷ XIX, phong trào Papua tự do và phong trào đòi lập nước cộng hoà Maluka ở Indônêxia hoặc những cuộc xung đột giữa các cộng đồng sắc tộc ở Malaixia vào cuối những năm 1960... Đó còn là những hoạt động vũ trang của một số đảng cộng sản được sự cổ vũ, giúp đỡ từ bên ngoài như ở Thái Lan, Philippin...

Trong bối cảnh ổn định bị đe dọa như thế, tháng 8.1967 các nhà lãnh đạo của 5 nước Đông Nam Á là Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Xingapo đã thoả thuận cùng nhau thành lập một tổ chức liên kết khu vực với tên gọi *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á* (ASEAN). Đây là một tổ chức của các nước Đông Nam Á, không có sự tham gia của bất kỳ nước nào ngoài khu vực. Như Tuyên bố Băng cốc của Hội nghị thành lập ASEAN đã khẳng định: "Các nước Đông Nam Á có trách nhiệm chính trong việc tăng cường ổn

định kinh tế và xã hội của khu vực và bảo đảm sự phát triển đất nước một cách hoà bình và tiến bộ; và rằng các nước này quyết tâm đảm bảo sự ổn định và an ninh của mình không có sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất cứ hình thức hoặc biểu hiện nào nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc của mình phù hợp với những lý tưởng và nguyện vọng của nhân dân mình". Như thế, một nhận thức có ý nghĩa quyết định nhất sự ra đời của tổ chức ASEAN là hoà bình và ổn định của khu vực, thoát khỏi sức ép của sự dính líu và can thiệp từ các cường quốc ngoài khu vực, người Đông Nam Á phải tự lo cho vận mệnh của mình, nhất là vào lúc ấy dù đã đẩy cuộc chiến tranh Việt Nam lên mức quyết liệt nhất, nhưng tình hình cuộc chiến ngày càng tỏ ra "không thuận lợi" cho Mỹ. Vị thế của Mỹ ở Đông Nam Á ắt sẽ theo hướng suy giảm. Sự ra đời của ASEAN còn chứng tỏ Tổ chức quân sự Đông Nam Á (SEATO) do Mỹ lập ra từ cuối năm 1954 không còn mấy sức hấp dẫn, ngày càng lâm vào tình trạng rệu rã nhất là do sự "lừng khừng" của hai nước Pháp và Pakixtan đối với các hoạt động của tổ chức này.

Bốn là, nếu như ở Đông Nam Á tình hình luôn trong đôi đầu căng thẳng, hầu như chưa có lúc nào im tiếng súng thì cục diện ở Đông Bắc Á lại có những chuyển biến mới. Bên cạnh những căng thẳng vốn đã kéo dài như quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan, sự chia cắt ở bán đảo Triều Tiên..., từ thập kỷ 60 nhiều quốc gia Đông Bắc Á đã tập trung vào phát triển kinh tế. Đi đầu là Nhật Bản. Là một nước bại trận phải chịu nhiều hạn chế về chính trị trong bối cảnh chiến tranh lạnh, người Nhật đã

khôn ngoan tìm lại lòng tự hào dân tộc, sự phục hưng của đất nước bằng những thành công vang dội về kinh tế và kỹ thuật làm nên những thần kỳ kinh tế được cả thế giới ngưỡng mộ, để trở thành một siêu cường kinh tế thế giới chỉ đứng sau Mỹ. Từ năm 1978 sau hai thập kỷ đầy biến động, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã tiến hành công cuộc Cải cách - Mở cửa với những phát triển kinh tế vượt bậc và liên tục. Diện mạo và sức mạnh của Trung Quốc đã có những thay đổi căn bản để từ một nước đất rộng người đông trở thành một cường quốc khu vực và vươn tới một cường quốc thế giới. ở quy mô nhỏ hơn, Hàn Quốc và Đài Loan đã có những phát triển phi thường trong công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, và trở thành những "con rồng" châu Á.

Dù ở khía cạnh chính trị - an ninh hay kinh tế - thương mại, Đông Á là khu vực địa - chính trị thật sôi nổi, đa dạng và thay đổi mạnh mẽ.

2. Từ những năm 90 của thế kỷ XX, sau sự tan rã của Liên Xô và chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, thế giới đã bước sang một giai đoạn lịch sử mới. Trật tự hai cực đã sụp đổ, thế giới không còn phân chia thành hai phe. Chiến tranh lạnh chấm dứt và theo đó mở ra việc giải quyết các cuộc xung đột ở nhiều khu vực. Các cường quốc đều có sự điều chỉnh trong các quan hệ quốc tế, nhất là giữa họ với nhau theo chiều hướng hoà hoãn, tránh những xung đột trực tiếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi ổn định cho sự tập trung dồn sức phát triển kinh tế. Nhưng đồng thời ở nhiều khu vực các nước đang phát triển lại diễn ra các cuộc xung

đột nội chiến, mâu thuẫn tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ cùng những thảm trạng bất công nghèo đói và những tội Ác của chủ nghĩa khủng bố quốc tế...

Đông Á cũng không nằm ngoài những thay đổi của thế giới, nhất là về an ninh chính trị.

Đông Á là khu vực rộng lớn với gần 20 quốc gia và lãnh thổ nhưng lại rất chênh lệch về diện tích lãnh thổ, dân số nhất là về trình độ phát triển kinh tế cũng như khác nhau về chế độ chính trị và văn hoá tôn giáo. Đông Á lại là khu vực có nhiều cường quốc vào loại hàng đầu thế giới nhưng cũng có quốc gia nhỏ, thậm chí quá nhỏ về diện tích, dân số. Nền an ninh, ổn định của Đông Á không chỉ phụ thuộc vào các quốc gia, các cường quốc trong khu vực mà còn gắn liền với một nhân tố ngoài khu vực đó là nước Mỹ một siêu cường thuộc khu vực lòng chảo châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn mà Đông Á là một bộ phận trong đó.

Trở lại lịch sử, nếu tính từ sự kiện 1853 ở Nhật Bản thì nước Mỹ đã có hơn một thế kỷ rưỡi dính líu tới khu vực Đông Á, đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai⁽²⁾. Sự hiện diện của Mỹ ở Đông Á không chỉ vì những lợi ích quốc gia của chính nước Mỹ, một bộ phận cấu thành trong chiến lược toàn cầu của Mỹ mà còn là sự cần thiết mong muốn của nhiều quốc gia trong khu vực, nhất là trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Từ sau chiến tranh lạnh, chính sách Đông Á của Mỹ đã có những điều chỉnh quan trọng với vị thế Đông Á là một trong bốn khu vực địa - chính trị chính yếu trong chiến lược toàn cầu của Mỹ: khu vực châu Âu; khu vực Nga và

phạm vi thế lực của Nga; khu vực Trung Đông gồm phần lớn các nước Hồi giáo và khu vực Đại Đông Á bao gồm Đông Bắc Á và Đông Nam Á, từ đó còn mở rộng ra khu vực Nam Á và châu Đại Dương⁽³⁾.

Theo Christopher Hill, trợ lý ngoại trưởng Mỹ phụ trách các công việc Đông Á - Thái Bình Dương, trong phát biểu tại Quốc hội Mỹ tháng 3.2005, mục tiêu chính sách Đông Á dưới mục tiêu toàn cầu của Mỹ là "dân chủ, phồn vinh, ổn định, an ninh và hoà bình" và "trong tất cả các mục tiêu chiến lược, việc giữ vững ổn định khu vực được ưu tiên hàng đầu...". Phương thức để thực hiện mục tiêu trên chủ yếu thông qua biện pháp ngoại giao, và ngoại giao song phương chiếm vị trí chủ đạo trong hệ thống ngoại giao Đông Á của Mỹ⁽⁴⁾. Và tất cả đều dựa trên nền tảng là sức mạnh không thể thiếu được của nước Mỹ.

Trong triển khai chính sách Đông Á, Mỹ đã ra sức đẩy mạnh, củng cố các quan hệ đồng minh truyền thống trong khu vực là Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippin và đối tác quan trọng là Xingapo (do có vị trí chiến lược quan trọng tuy chưa ký hiệp ước liên minh chính thức). Đồng thời, Mỹ cũng mở rộng quan hệ song phương với nhiều nước khác ở Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Quan hệ Mỹ - Nhật được coi là quan hệ đồng minh chiến lược quan trọng nhất và Nhật Bản là điểm tựa chiến lược của Mỹ ở khu vực Đông Bắc Á, thậm chí cả khu vực Tây Thái Bình Dương. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc, trên thực tế Mỹ đã đưa quan hệ Mỹ - Trung lên vị trí quan trọng nhất trong chính sách

của Mỹ ở Đông Á với chính sách vừa tiếp xúc, vừa kiềm chế và thúc giục Trung Quốc gánh vác trách nhiệm quốc tế lớn hơn, nhất là sau sự kiện 11.9.2001.

Bằng công cuộc Cải cách - Mở cửa, từ năm 1978 Trung Quốc đã bước vào thời kỳ phát triển mới trước sự kinh ngạc của thế giới. Là một đất nước có dân số khổng lồ 1,3 tỷ người lại khởi đầu từ những đổ vỡ sau hai thập kỷ động loạn, nền kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng liên tục trong một thời gian dài đã gần 1/3 thế kỷ với tốc độ cao nhất thế giới. Jeffrey Sachs, một trong những nhà kinh tế học Mỹ nổi tiếng nhất thế giới, giáo sư Đại học tổng hợp Columbia (New York) đã viết: "Trung Quốc là một sự phát triển thành công tuyệt vời nhất mà thế giới chưa từng biết đến từ trước tới nay"⁽⁵⁾. Mặc dầu như Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Ôn Gia Bảo từng trình bày lần đầu tiên tại Đại học Havard tháng 12.2003 về tư tưởng "trỗi dậy hoà bình" của Trung Quốc và Báo cáo chính trị của Đại hội lần thứ XVI của Đảng cộng sản Trung quốc (11.2002) khẳng định: "Tôn chỉ của chính sách ngoại giao Trung Quốc là gìn giữ hoà bình thế giới, xúc tiến phát triển cùng nhau" và "... tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, kiên trì thân thiện với các nước láng giềng, lấy các nước láng giềng làm đối tác, tăng cường hợp tác khu vực"⁽⁶⁾, nhưng dư luận nhiều nước vẫn tỏ ra hết sức lo ngại trước sự lớn mạnh vượt bậc của Trung Quốc. Họ đã ví, đó là "con voi đi vào cửa hàng đồ sứ"⁽⁷⁾. Rõ ràng, ngày nay, Trung Quốc đã trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu đối với hoà bình, an ninh và ổn định của khu vực Đông Á.

Với sức mạnh của nền kinh tế đứng thứ hai thế giới, Nhật Bản là cường quốc có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển kinh tế của nhiều nước trong khu vực. Từ sau chiến tranh lạnh, Nhật Bản đang cố gắng thực hiện một chính sách đối ngoại tự chủ hơn nhằm trở thành một "cường quốc bình thường", có sức mạnh chính trị tương xứng với sức mạnh kinh tế của mình.

Trước những chèn ép không ngừng của Mỹ và các nước phương Tây, Liên bang Nga với biểu tượng "chim ưng hai đầu" ngày càng quan tâm và chuyển dần phương hướng chiến lược sang châu Á phương Đông. Có những tín hiệu đáng lưu ý: sự coi trọng khác thường của Liên bang Nga đối với Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), tích cực tham gia vào cơ chế hợp tác đa phương Đông Á trên nhiều phương diện như đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên, tham dự Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (2005) với tư cách khách mời, ký kết "Hiệp định song phương Nga - ASEAN"⁽⁸⁾. Mặc dầu vẫn còn đang trên đường phục hưng, thực lực còn những hạn chế, Nga ngày càng trở thành một nhân tố quan trọng đối với nên an ninh khu vực Đông Á.

Như thế, bốn cường quốc Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga - đứng ra là 1 siêu 3 cường quốc, có ảnh hưởng hàng đầu đối với hoà bình an ninh ở Đông Á. Tuy không ở tình trạng đối đầu và vẫn có nhiều quan hệ kinh tế, chính trị với nhau, nhưng ở Đông Bắc Á đã có hai sự liên kết với mức độ khác nhau. Một là liên minh Mỹ - Nhật với cơ sở là Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật đã tồn tại hơn nửa thế kỷ và được nâng cấp nhiều lần. Đó là quan hệ của những đồng

minh chiến lược. Hai là liên kết hợp tác Trung - Nga được hiện diện trong Tổ chức hợp tác Thượng Hải cùng với 4 nước Trung Á khác được hình thành trong những năm gần đây. Đó là quan hệ của những đối tác chiến lược không mang ý nghĩa đồng minh chiến lược. Như một giáo sư Trung Quốc là Hoàng Phương Chi chỉ rõ: “Quan hệ đối tác giữa Nga và Trung Quốc không bao giờ phát triển thành liên minh chính trị quân sự; tại khu vực Đông Bắc Á sẽ không bao giờ xuất hiện cục diện quốc tế đối đầu giữa hai cặp nước lớn Trung - Nga và Mỹ - Nhật”⁽⁹⁾. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình hình đó. Từ đó có thể khẳng định: thực chất các quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á là nhằm thiết lập thế cân bằng an ninh chiến lược giữa bốn cường quốc. Mặt khác, đó còn là hệ quả: ở Đông Á cho đến nay chưa có được một cơ chế pháp lý đảm bảo hoà bình an ninh khu vực, như ở châu Âu ngay từ thời kỳ chiến tranh lạnh đã có Định ước Henxinxky (1975), một cơ chế an ninh nhằm ngăn ngừa và giải quyết các tranh chấp, xung đột giữa các nước châu Âu.

Trong tình hình chưa có một cơ chế pháp lý như thế và trước những nguy cơ đe dọa an ninh và ổn định như các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ, chủ nghĩa khủng bố quốc tế và các cuộc nổi dậy ly khai..., ASEAN với tư cách là một tổ chức liên kết khu vực của các nước vừa và nhỏ ở Đông Nam Á đã chủ động có nhiều sáng kiến quan trọng và đặc sắc về an ninh khu vực và được sự hưởng ứng của các cường quốc. Đó là Tuyên bố về Biển Đông của Hội nghị các Ngoại trưởng ASEAN năm 1992 và sau này đến tháng 11.2002,

các nước ASEAN và Trung Quốc thông qua Tuyên bố về cách ứng xử của các bên tại Biển Đông nhằm xây dựng lòng tin và duy trì hoà bình, an ninh và ổn định trong khu vực. Đó còn là cơ chế ASEAN + 3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và ASEAN + 1 (lần lượt với 1 trong 3 nước trên) được tiến hành hàng năm kể từ 1997 và nhất là Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) được thành lập tháng 7.1994. Số thành viên tham dự ARF tăng lên không ngừng và tới nay đã lên tới 23 nước bao gồm 10 nước ASEAN và 10 thành viên đối tác (Úc, New Zealand, Canada, Trung Quốc, EU, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu Dilân, Nga và Mỹ) và 3 nước quan sát viên (Papua New Guinea, Mông Cổ, CHND Triều Tiên). Như thế, ARF đã thu hút được tất cả các cường quốc ở châu Á - Thái Bình Dương và các nước có vai trò quan trọng về chiến lược trong khu vực. Với những cuộc họp được tiến hành hàng năm, ARF đã tiến hành việc thúc đẩy xây dựng lòng tin giữa các quốc gia trong khu vực, xây dựng nền ngoại giao phòng ngừa và xây dựng các cách tiếp cận đối với những cuộc xung đột⁽¹⁰⁾. Tuy còn những hạn chế khó tránh khỏi của một diễn đàn gặp gỡ trao đổi, ARF đã có một số kết quả đáng ghi nhận, nhất là với tư cách của một tổ chức các nước vừa và nhỏ đóng góp vào sự cân bằng của khu vực Đông Á. Vai trò ấy càng được thể hiện rõ ở Hội nghị thượng đỉnh Đông Á lần thứ nhất tại Malaixia vào cuối năm 2005. Tại hội nghị, ASEAN đã giữ vai trò là người điều hành, chủ đạo, có nhà nghiên cứu còn gọi là “vai trò trung tâm”⁽¹¹⁾, nhất là vào thời điểm lúc bấy giờ quan hệ hai nước lớn Trung

Quốc và Nhật Bản còn không ít vướng mắc. Vai trò chủ đạo ấy của ASEAN có lẽ còn được tiếp tục trong thời gian tới và vấn đề đặt ra là ASEAN phải có thực lực ngày càng gia tăng và các cách tiếp cận phù hợp và tinh táo.

Cục diện an ninh ở Đông Á lại có những sắc thái khác nhau đáng lưu ý giữa hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. ở Đông Bắc Á, nơi tập trung thế lực của các cường quốc Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và không thể thiếu vai trò của Mỹ thì cục diện chủ yếu là thế cân bằng an ninh giữa các cường quốc tuy về đại thể tới nay vẫn duy trì được hoà bình an ninh nhưng còn những “mỏng manh”. “Sản phẩm” của những “mỏng manh” ấy chính là những vấn đề về bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan, việc tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa Trung Quốc và Nhật Bản, Nga và Nhật Bản... ở Đông Nam Á, mối lo ngại an ninh quan trọng nhất của hầu hết các nước lại là an ninh trong nước. Đó là các vấn đề về sự ổn định chính trị và đoàn kết quốc gia, dân chủ và sự hài hoà xã hội, những bất đồng về tôn giáo và sắc tộc, khủng bố và ly khai, tình trạng phụ thuộc vào bên ngoài... Nguồn gốc sâu xa của những tình hình đó là phần lớn các nước Đông Nam Á là những quốc gia hậu thuộc địa, cơ cấu chế độ chính trị - xã hội cùng những hạn chế yếu kém của nền kinh tế. Các nước Đông Nam Á đã phải dành những ưu tiên to lớn để giải quyết những khó khăn trong nước, coi đó là một xu hướng an ninh quốc gia và an ninh khu vực quan trọng.

Như thế, hoà bình an ninh và ổn định là những vấn đề quan trọng có ý nghĩa

quyết định đối với khu vực Đông Á. Các quốc gia Đông Á dù lớn hay nhỏ đã và đang có nhiều nỗ lực vì một Đông Á hoà bình an ninh và hợp tác phát triển, bởi Đông Á là một khu vực địa - chính trị, địa - kinh tế quan trọng có ảnh hưởng lớn tới nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế như dư luận thế giới đã từng cho rằng: Thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương mà Đông Á giữ vai trò hàng đầu./.

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Cơ Thạch. *Thế giới trong 50 năm qua (1945 - 1995) và thế giới trong 25 năm tới (1996-2020)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998. Tr.41
2. Có thể xem: Nguyễn Quốc Hùng. *Mỹ và Đông Á - Nhìn từ lịch sử và hiện tại*. Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, Số 11, 2006
- 3, 4. Tài liệu tham khảo đặc biệt (TTXVN), 11.3.2007
- 5, 7. Erik Izraelewicz. *Khi Trung Quốc thay đổi thế giới*. TTXVN, Hà Nội, 2007. Tr.11
6. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. Tr.81, 83
8. *Các vấn đề quốc tế* (TTXVN), tháng 3.2007
9. Tin tham khảo Chủ nhật (TTXVN), 31.12.2006
10. Richard J. Ellings, Sheldon W. Simon. *An ninh Đông Nam Á trong thiên niên kỷ mới*. Viện nghiên cứu châu Mỹ và Viện chiến lược và khoa học công an, Hà Nội. 9.2004. Tr.47
11. Tài liệu tham khảo đặc biệt (TTXVN), 14.3.2007